TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2021.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.
- Ông Triệu Khánh Long.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2021/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Ngọc B, sinh năm 1982; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà Y, ấp N Ú, xã H Đ, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà X, ấp N Ú, xã H Đ, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2020, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Hồ Ngọc B trình bày:

Năm 2004, chị Hồ Ngọc B kết hôn với anh Nguyễn Văn L và được UBND xã H Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/10/2005. Trong thời gian chung sống chị B và anh L có 02 đứa con chung tên: Nguyễn Thảo D (nữ), sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Thị Cát T (nữ) sinh ngày 30/7/2011. Hiện nay các con do chị Hồ Ngọc B nuôi dưỡng. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do thường xuyên cự cãi và mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng hơn. Từ đó, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy, hạnh phúc gia đình tan vỡ không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng không còn yêu thương nhau. Nay chị Hồ Ngọc B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hồ Ngọc B yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- *Về con chung:* Đối với 02 đứa con tên Nguyễn Thảo D (nữ), sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Thị Cát T (nữ) sinh ngày 30/7/2011 đang sống chung với chị B, chị B xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Hồ Ngọc B trình bày là tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Hồ Ngọc B trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L để tham gia phiên tòa nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho anh Nguyễn Văn L biết.

Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L chưa chấp

hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án tại các phiên họp và hòa giải. Đồng thời, bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn L theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

+ Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thảo D (nữ), sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Thị Cát T (nữ) sinh ngày 30/7/2011 cho chị Hồ Ngọc B tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị Hồ Ngọc B trình bày là tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị Hồ Ngọc B trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh Nguyễn Văn L biết là chị Hồ Ngọc B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn với anh L theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án đã tiến hành thông báo để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn L vẫn cố tình vắng mặt.Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho anh L biết.

[2] Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và phiên tòa được mở vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 21/5/2021 nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt. Phiên tòa tiếp tục được mở lại vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 07 tháng 6 năm 2021

nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn L vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn L theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Ngọc B với anh Nguyễn Văn L được xác lập vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Ngọc B với anh Nguyễn Văn L là hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do trong thời gian sống chung với nhau chị B và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị Hồ Ngọc B kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Ngọc B với anh Nguyễn Văn L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Hồ Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[2] *Về con chung:* Đối với các cháu Nguyễn Thảo D (nữ), sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Thị Cát T (nữ) sinh ngày 30/7/2011 hiện nay do chị Hồ Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, chị Hồ Ngọc B có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục các cháu trong môi trường lành mạnh, đảm bảo sự phát triển của con tốt về thể chất cũng như tinh thần. Đồng thời, cũng phù hợp với nguyện vọng của các con (BL số 26, 27). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao các cháu Nguyễn Thảo D (nữ), sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Thị Cát T (nữ) sinh ngày 30/7/2011 cho chị Hồ Ngọc B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của chị Hồ Ngọc B không yêu cầu anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung:* Chị Hồ Ngọc B trình bày là tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Chị Hồ Ngọc B trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Hồ Ngọc B phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58; 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Ngọc B được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thảo D (nữ), sinh ngày 13/10/2005 và Nguyễn Thị Cát T (nữ) sinh ngày 30/7/2011 cho chị Hồ Ngọc B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị Hồ Ngọc B không yêu cầu anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian chị Hồ Ngọc B nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha, mẹ đối với con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Hồ Ngọc B trình bày là tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Hồ Ngọc B trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Ngọc B phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 0006505 ngày 05/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Chị Hồ Ngọc B đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với bị đơn, thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- VKSND TXVC;
- THADS TXVC;
- Phòng KTNV&THA TAND Tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã H Đ , TX V C, Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Phương